TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 6 – 2024
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tịnh

2. Bà Đỗ Kim Phụng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Hoàng Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* bà Nguyễn Thúy Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Quốc N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị Lý Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(*nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Nguyên đơn anh Lê Quốc N trình bày:

Anh và chị Lý Thị T xây dựng hôn nhân năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Vợ chồng an có 02 con chung là Lê Trúc V, sinh ngày 19/5/2012 và Lê Duy K, sinh ngày 13/12/2013. Hiện cháu V, cháu K đang sống cùng với anh.

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xảy ra cự cải với nhau, vợ anh không chăm lo cho gia đình. Anh và chị T đã sống ly thân gần 02 năm nay. Trong thời gian sống ly thân thì giữa anh và chị T không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm nên anh yêu cầu ly hôn với chị Lý Thị The.

Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Lê Trúc V và Lê Duy K. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lý Thị T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Em Lê Trúc V và Lê Duy K trình bày nguyện vọng được sống cùng cha là anh Lê Quốc N. Đây là ý chí tự nguyện của em Lê Trúc V, Lê Duy K.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các quyết định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Quốc N đối với chị Lý Thị T; Con chung: Giao cháu Lê Trúc V, sinh ngày 19/5/2012 và Lê Duy K, sinh ngày 13/12/2013 cho anh Lê Quốc N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lý Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lý Thị T có địa chỉ thường trú tại ấp B, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải. Nguyên đơn anh Lê Quốc N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị chị L thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Quốc N và chị Lý Thị The .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc N và chị Lý Thị T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa anh N và chị T là tự nguyện và hợp pháp. Anh N xác định hiện nay hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm lẫn nhau và đã không còn yêu thương nhau. Thực tế anh N và chị T đã sống ly thân với nhau 02 năm nay. Trong thời gian sống ly thân giữa anh N và chị T không có biện pháp nào để hàn gắn hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị Lý Thị T để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy đời sống

hôn nhân giữa anh Lê Quốc N và chị Lý Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Quốc N đối với chị Lý Thị The .

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của anh Lê Quốc N yêu cầu nuôi cháu Lê Trúc V, sinh ngày 19/5/2012 và Lê Duy K, sinh ngày 13/12/2013. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu V và cháu K đang sống ổn định cùng anh N; Anh N có công việc, thu nhập ổn định có đủ điều kiện nuôi cháu V và cháu K. Đồng thời cháu V và cháu K có nguyện vọng được sống cùng anh N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Quốc N, tiếp tục giao cháu Lê Trúc V, sinh ngày 19/5/2012 và Lê Duy K, sinh ngày 13/12/2013 cho anh Lê Quốc N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lý Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Anh Lê Quốc N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Quốc N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Quốc N phải chịu án phí sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228,Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Quốc N đối với chị Lý Thị The .

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trúc V, sinh ngày 19/5/2012 và Lê Duy K, sinh ngày 13/12/2013 cho anh Lê Quốc N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lý Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Quốc N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh Lê Quốc N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Anh Lê Quốc N đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên

lai thu tiền số 0010146 ngày 08/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải được chuyển thu án phí.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đông Hải;
- Chi cục THADS huyện Đông Hải;
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND xã An Trạch A;
- Lưu: HS; VT-TA.

Phan Thị Mỹ Ghết